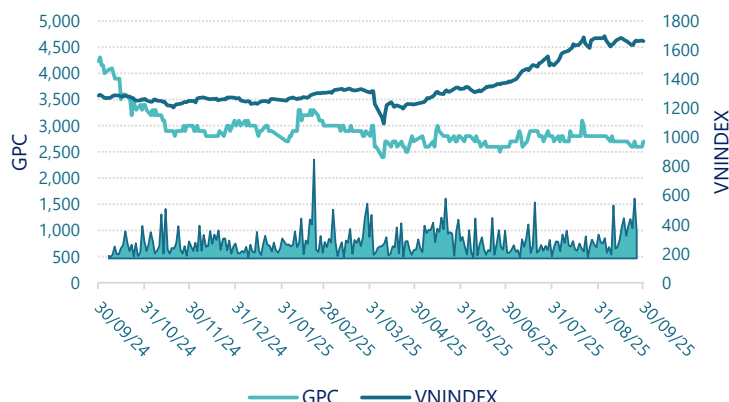


CTCP Tập đoàn Green+ (UPCOM: GPC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	2,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,308
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,400
SL cổ phiếu LH	54,072,143
KLGD BQ 20 phiên (CP)	88,640
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	146
P/E	-20.9
EPS	-129

DT thuần

Q3/25

47.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 26.0 | 120%

YoY: ▲ 37.2 | 355%

LN sau thuế

Q3/25

-7.28

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 8.22 | -874%

YoY: ▼ 8.14 | -946%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

-11.4%

+/- YoY: ▼ 27.9%

DT thuần

9T 2025

100

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 56.9 | 132%

LN sau thuế

9T 2025

-4.84

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 11.5 | -173%

ROE

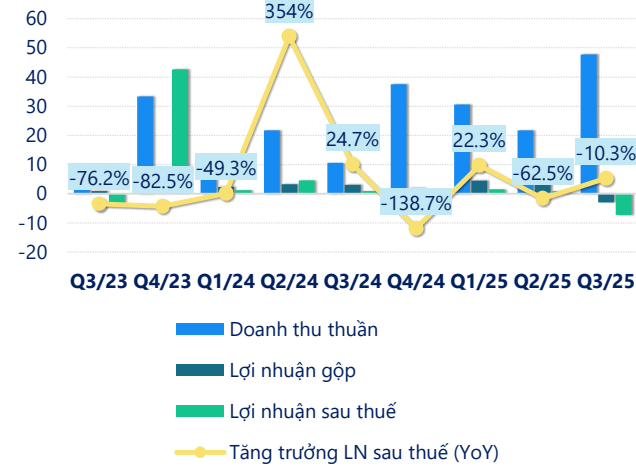
Q3/25

-1.2%

+/- YoY: ▼ 9.3%

tỷ VNĐ

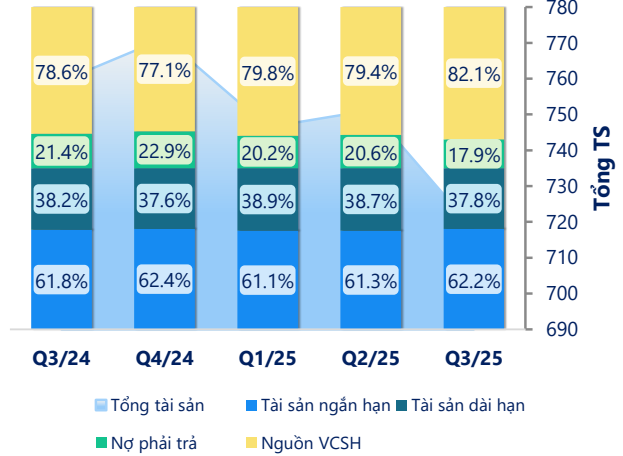
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

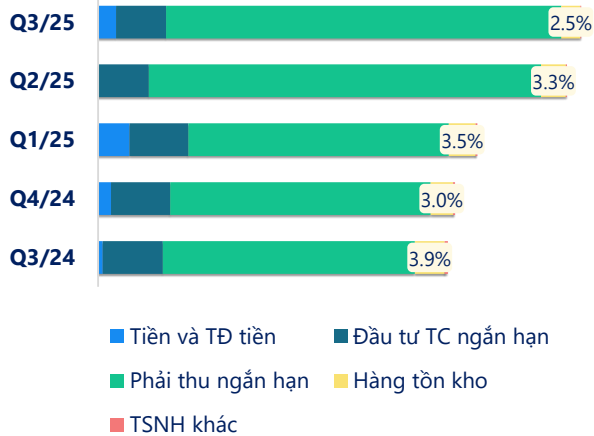
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



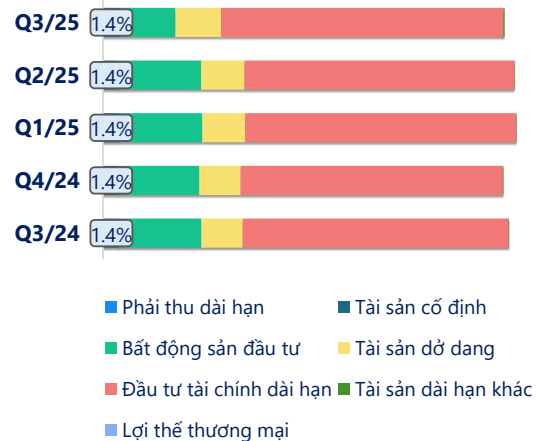
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

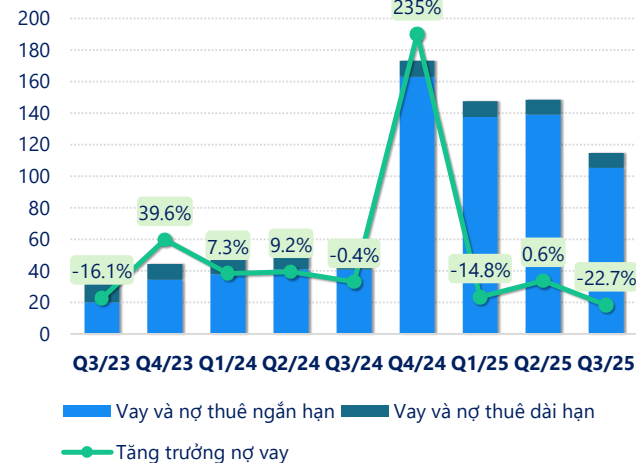
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

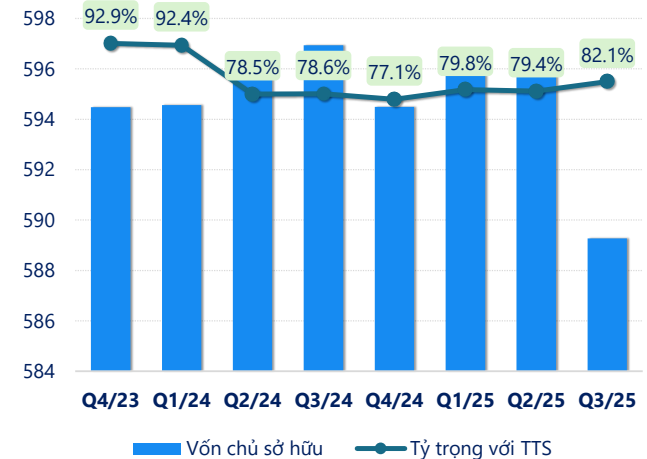
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

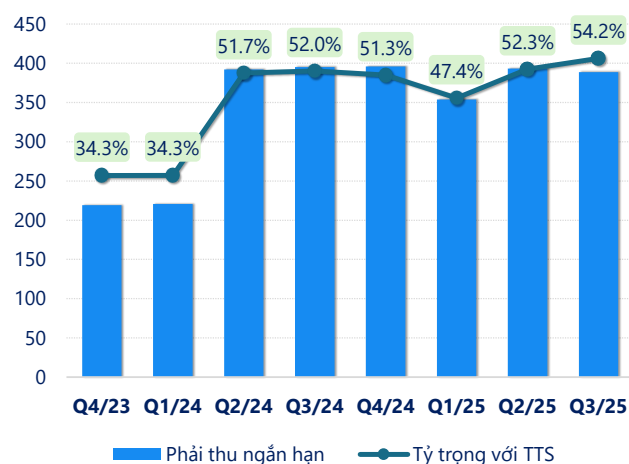
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



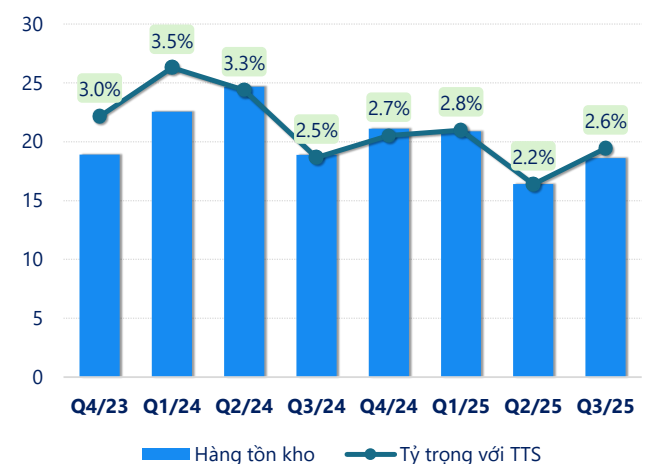
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


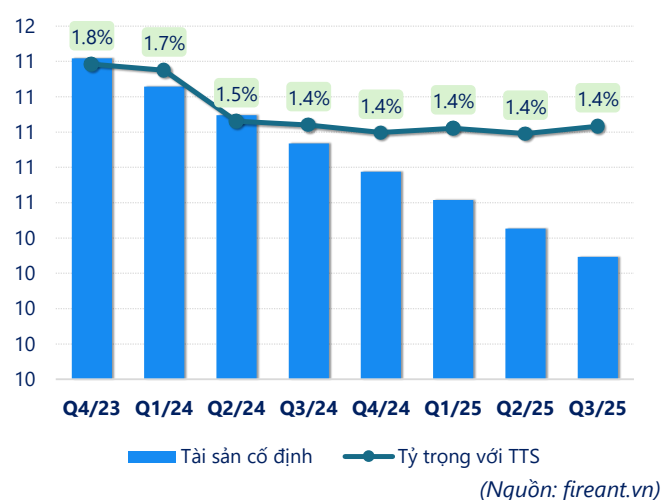
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


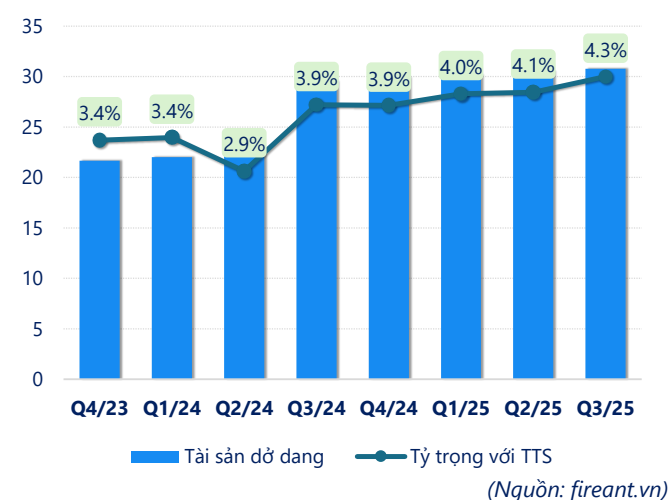
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

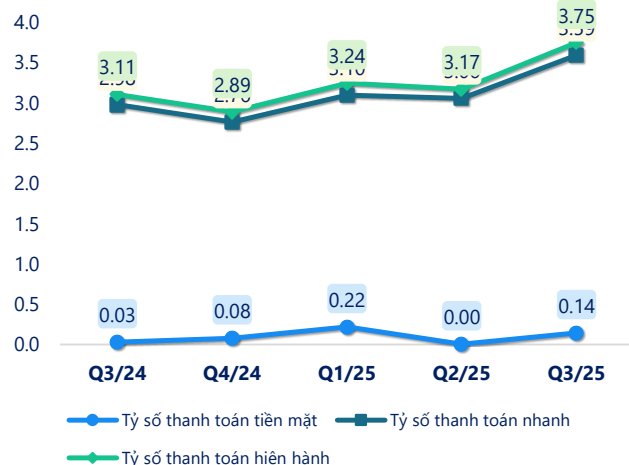
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

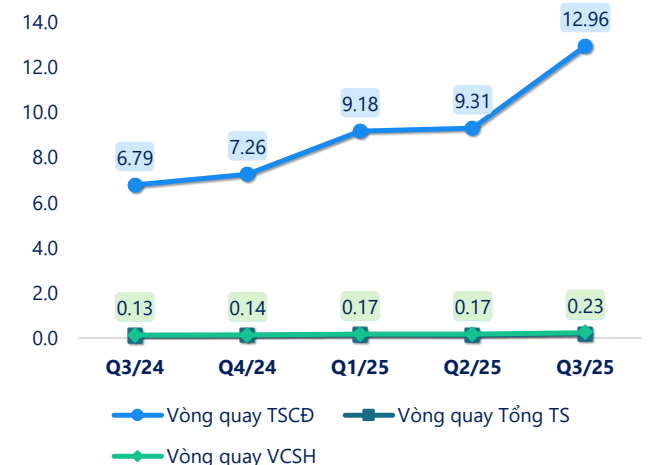
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	759	771	746	751	718
Tài sản ngắn hạn	469	481	456	460	447
Tiền và tương đương tiền	4.49	13.1	30.8	0.57	17.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.0	50.0	50.0	50.0	22.0
Phải thu ngắn hạn	395	396	354	393	389
Hàng tồn kho	18.9	21.1	20.9	16.4	18.6
Tài sản ngắn hạn khác	0.79	0.91	0.64	0.19	0.36
Tài sản dài hạn	290	290	290	291	271
Phải thu dài hạn	0.56	0.56	0.56	0.59	0.59
Tài sản cố định	10.9	10.8	10.6	10.5	10.3
Bất động sản đầu tư	58.7	58.6	58.5	58.3	38.1
Tài sản dở dang	29.5	29.9	30.2	30.5	30.8
Đầu tư tài chính dài hạn	190	190	190	190	191
Tài sản dài hạn khác	0.41	0.43	0.35	0.56	0.65
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	162	177	151	155	129
Nợ ngắn hạn	151	166	141	145	119
Vay và nợ thuê ngắn hạn	40.7	163	137	139	105
Phải trả người bán ngắn hạn	1.48	0.38	0.34	0.63	8.51
Nợ dài hạn	11.3	10.4	10.1	9.46	9.46
Vay và nợ thuê dài hạn	11.0	10.2	10.0	9.46	9.46
Nguồn vốn chủ sở hữu	597	594	596	597	589
Vốn chủ sở hữu	597	594	596	597	589
Vốn điều lệ	416	541	541	541	541
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)